

TÍNH ĐỒNG DẠNG VÀ DỊ BIỆT TRONG MẠNG LƯỚI HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP TẠI CỘNG ĐỒNG DI DÂN NÔNG THÔN ĐÔNG NAM BỘ (Nghiên cứu qua phương pháp phân tích mạng lưới xã hội)

NGUYỄN NGỌC TOẠI*

Bài viết phân tích mạng lưới xã hội (SNA) làm rõ tính đồng dạng (homophily) và dị biệt (heterophily) dựa trên chỉ số biến thiên định tính (IQV) trong mạng lưới hỗ trợ nông nghiệp của các nông hộ tại cộng đồng di dân nông thôn Đông Nam Bộ. Từ ba yếu tố chính là quê quán, giới tính và độ tuổi được phân tích cho thấy tính dị biệt chiếm ưu thế trong các mạng lưới, đặc biệt là về độ tuổi và quê quán, trong khi tính đồng dạng chủ yếu thể hiện rõ ở khía cạnh giới tính. Mạng lưới của nam giới có xu hướng đồng dạng hơn, trong khi nữ giới có mạng lưới đa dạng hơn. Mạng lưới của người gốc miền Bắc và miền Trung thường có tính dị biệt cao hơn mạng lưới của người gốc miền Nam, phản ánh sự đa dạng trong các mối quan hệ xã hội nhưng đồng thời cũng cho thấy sự hạn chế của họ về kinh nghiệm canh tác các loại cây trồng phổ biến tại khu vực Đông Nam Bộ như cây cao su và cây ăn trái.

Từ khóa: phân tích mạng lưới xã hội, đồng dạng, dị biệt, cộng đồng di dân, nông nghiệp
Nhận bài ngày: 29/9/2024; đưa vào biên tập: 30/9/2024; phản biện: 12/11/2024; duyệt đăng: 20/11/2024

1. DẪN NHẬP

Mạng lưới xã hội (social network) là một cách tiếp cận về các hệ thống xã hội (social systems) với trọng tâm là các mối quan hệ giữa các thực thể tạo nên hệ thống thường được gọi là các tác nhân (actors) hoặc các nút (nodes) với các đặc điểm được gọi là 'thuộc tính' (attributes) giúp phân biệt chúng với nhau (ví dụ: giới tính, độ tuổi...) (Borgatti et al., 2018: 20). Các mối quan hệ [mà các nhà phân tích mạng lưới xã hội nghiên cứu] thường là liên

kết cá nhân con người với nhau. Nhưng cũng có thể là các liên kết hoàn toàn không phải của các cá nhân như liên kết giữa các nhóm hoặc tổ chức, giữa các quốc gia hoặc các liên minh quốc tế (Freeman, 2004: 2).

Dựa trên cách tiếp cận cấu trúc được hỗ trợ ngày càng nhiều từ các tiến bộ về mặt toán học (lý thuyết đồ thị và đại số tuyến tính) và phần mềm, phân tích mạng lưới xã hội (Social Network Analysis - SNA) là một phương pháp tiếp cận đa ngành có tiềm năng ứng dụng cao trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội. SNA tập trung vào việc tìm hiểu cấu trúc của các mối quan hệ xã

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hội và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành các mối liên kết trong mạng lưới, bao gồm tính đồng dạng (homophily) và dị biệt (heterophily). Trong đó, phân tích mạng lưới xã hội về mối quan hệ giữa cấu trúc mạng lưới và hành động của các cá nhân được xem là trọng tâm của ngành xã hội học (Scott, 2017: 39).

Nghiên cứu mạng lưới xã hội của người di cư và các cộng đồng nông thôn là chủ đề quan trọng và phổ biến trong khoa học xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay, việc áp dụng SNA để nghiên cứu về cấu trúc và thành phần mạng lưới xã hội của các cộng đồng di dân tại khu vực nông thôn vẫn còn là một vấn đề mới mẻ (Nguyễn Ngọc Toại, 2022).

Sử dụng phương pháp SNA cho mạng lưới cá nhân (ego network), bài viết này tập trung phân tích cơ chế hình thành mạng lưới hỗ trợ/giúp đỡ hoạt động trồng trọt của các nông hộ tại một cộng đồng di dân nông thôn Đông Nam Bộ dựa trên tính đồng dạng/dị biệt về quê quán, giới tính và độ tuổi. Trong đó, nông thôn Đông Nam Bộ, khu vực nhập cư chính của di dân đến từ nhiều vùng miền trong suốt hơn ba thập kỷ qua, đã chứng kiến sự hình thành và phát triển của các cộng đồng nông thôn có cấu trúc xã hội phức tạp (Đỗ Hương Giang, 2022), là địa bàn phù hợp và điển hình để nghiên cứu các vấn đề nổi bật trên.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Đồng dạng (homophily) là một khái niệm mô tả xu hướng liên kết giữa những tác nhân có đặc điểm tương tự. Theo McPherson và cộng sự (2001), các mối quan hệ mạng lưới nói chung được cấu trúc dựa trên sự đồng dạng về nhiều đặc điểm xã hội, hành vi và nội tâm. Tính đồng dạng giới hạn thế giới xã hội của con người theo cách có tác động mạnh mẽ đến thông tin mà họ nhận được, thái độ mà họ hình thành và những tương tác mà họ trải nghiệm. Tình trạng đồng dạng về chủng tộc (race) và sắc tộc (ethnicity) tạo ra sự phân chia mạnh mẽ nhất trong môi trường cá nhân; tiếp theo là tuổi tác, tôn giáo, giáo dục, nghề nghiệp và giới tính. Vị trí địa lý, gia đình, tổ chức và vị thế trong các hệ thống xã hội đều tạo ra các bối cảnh trong đó các quan hệ đồng dạng hình thành.

Ngược với 'đồng dạng' là 'dị biệt' (heterophily), là xu hướng của những người trong nhóm duy trì tỷ lệ quan hệ cao hơn với các thành viên của nhóm khác ngoài nhóm của họ (Lozares et al., 2014). Nói cách khác, 'dị biệt' được định nghĩa là mức độ mà các cặp cá nhân tương tác khác nhau ở một số thuộc tính nhất định, tức là phản ánh một xu hướng trái ngược với đồng dạng. Trong cuốn sách *Diffusion of Innovations* (sự lan truyền của những ý tưởng mới), Rogers (2003) đã chỉ ra rằng các mạng 'dị biệt' có khả năng lan truyền các sáng kiến tốt hơn. Điều này khá tương đồng với những gì đã được chỉ ra trong lý thuyết 'The

Strength of Weak Ties' (sức mạnh của các mối quan hệ yếu) của Granovetter (1983), theo đó, thông tin mới và khác biệt thường đến từ các mối quan hệ tương đối yếu với những người ít tiếp xúc và những người có những hoàn cảnh công việc khác.

'Đồng dạng' và 'dị biệt' phản ánh hai chiều kích đối lập nhưng cũng bổ sung cho nhau giúp nhà nghiên cứu hiểu rõ hơn về thành phần, cấu trúc và cơ chế hình thành mạng lưới.

2.2. Nguồn dữ liệu và phương pháp phân tích

Chúng tôi tiến hành khảo sát (năm 2023) dựa trên phương pháp chọn mẫu cụm nhiều giai đoạn (multi-stage cluster sampling), địa bàn khảo sát được chọn tại một ấp⁽¹⁾ thuộc xã Tân Hiệp, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, nơi tập trung sinh sống của các hộ gia đình di cư đến từ nhiều địa phương thuộc cả 3 khu vực Bắc - Trung - Nam với giả định rằng điều này có thể phản ánh các khuôn mẫu mạng lưới khác nhau tương ứng với các đặc trưng văn hóa vùng miền của người di cư.

Tại ấp khảo sát, chúng tôi lập danh sách và sắp xếp thứ tự alphabet theo tên chủ hộ của toàn bộ các nông hộ (hiện đang canh tác nông nghiệp). Trong mỗi hộ gia đình, chọn 1 người từ 18 tuổi trở lên, là lao động chính và có quyết định quan trọng nhất trong hoạt động trồng trọt của gia đình để trả lời phỏng vấn. Kết quả mẫu khảo sát của chúng tôi bao gồm 97 cá nhân đại diện cho 97 nông hộ.

Mạng lưới xã hội của một cá nhân có thể được xem xét trên nhiều khía cạnh (tình bạn, gia đình, dòng họ, đồng nghiệp...) nhưng nghiên cứu này chỉ tập trung vào mạng lưới hỗ trợ các hoạt động trồng trọt (giống cây trồng, kỹ thuật chăm sóc, vật tư/trang thiết bị/máy móc, vốn/tài chính, giá cả/thị trường tiêu thụ...) của các nông hộ.

Trong phương pháp SNA đối với mạng lưới cá nhân⁽²⁾, thông tin khảo sát thường bao gồm 3 loại: thông tin thuộc tính bản ngã – đối tượng phỏng vấn (sau đây gọi là ego), thuộc tính thành viên mạng lưới (sau đây gọi chung là alter) và thông tin về các mối quan hệ giữa các thành viên trong mạng lưới (alter ties). Nghiên cứu sử dụng cả 3 loại thông tin này nhưng chỉ giới hạn trong các biến số giới tính, độ tuổi và quê quán.

Nghiên cứu sử dụng công cụ 'name interpreter' (trình tạo tên/công cụ thu thập thông tin về các alter) (McCarty et al., 2019) để thu thập thông tin về từng alter và/hoặc mối quan hệ hoặc đặc điểm chung giữa ego và từng alter. Đồng thời, nghiên cứu không giới hạn về mặt không gian và số lượng thành viên mạng lưới (những sự hỗ trợ có thể đến từ bất kỳ ai ở bất cứ nơi nào). Cụ thể, câu hỏi chính để xác định các thành phần mạng lưới trong nghiên cứu như sau: "Trong hoạt động trồng trọt nói chung, một người có thể nhận được lời khuyên/hỗ trợ/giúp đỡ từ những người khác về nhiều mặt như: giống cây trồng, kỹ

thuật chăm sóc, vật tư/trang thiết bị/máy móc, vốn/tài chính, giá cả/thị trường tiêu thụ,... Vui lòng kể tên tất cả những người đã cho lời khuyên/giúp đỡ/hỗ trợ ông/bà trong các hoạt động trồng trọt của hộ hiện nay. Đó có thể là người thân-họ hàng, bạn bè, hàng xóm, người quen hoặc thậm chí là những người ông/bà mới gặp. Để dễ hình dung, hãy bắt đầu từ những người ở trong ấp, xã nơi ông/bà đang sinh sống, sau đó hãy nghĩ tới những người khác không phải ở đây nhưng đã cho lời khuyên/giúp đỡ/hỗ trợ ông/bà”.

Dữ liệu nghiên cứu được xử lý bằng ngôn ngữ lập trình R (R Core Team, 2023). Trước tiên chúng tôi tính chỉ số biến thiên định tính (Index of qualitative variation - IQV) (Agresti & Agresti, 1978) cho quê quán, giới tính và độ tuổi; sau đó sử dụng gói (package) {ggstatsplot} (Patil, 2021) để trực quan hóa, phân tích thống kê và kiểm định tương quan giữa các biến số dựa trên IQV tương ứng.

IQV được tính theo công thức sau:

$$\left(1 - \sum_{i=1}^k P_i^2\right) / (1 - 1/k) \quad (1)$$

Trong công thức (1):

- P_i là tỷ lệ các tác nhân loại i và k là tổng số phân loại của thuộc tính.

- Từ số $(1 - \sum P_i^2)$ là xác suất để hai tác nhân được trích xuất ngẫu nhiên trong mạng lưới thuộc các phân loại khác nhau của thuộc tính quan tâm; nói cách khác, nó là thước đo của sự đa dạng.

- Mẫu số $(1 - 1/k)$ là xác suất tối đa tương ứng với số phân loại (Ví dụ, trong trường hợp giới tính, chỉ có hai loại là nam và nữ, vì vậy xác suất tối đa có thể quan sát thấy hai tác nhân được trích xuất ngẫu nhiên thuộc các loại khác nhau là $(1 - 1/2 = 0,5)$).

IQV có giá trị từ 0 đến 1 không phụ thuộc vào số danh mục phân loại. Chỉ số này bằng 0 nếu có sự đồng nhất hoàn toàn (cụ thể là khi tất cả các tác nhân trong mạng thuộc cùng một loại), bằng 1 khi có sự không đồng nhất hoàn toàn (nghĩa là khi các tác nhân mạng lưới được trải đều trên các phân loại khác nhau).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Một số đặc điểm chung về mẫu khảo sát và mạng lưới hỗ trợ

Tính tới thời điểm khảo sát (2023), trên địa bàn ấp X có tổng cộng 327 hộ gia đình nhưng chỉ có 97 nông hộ (khoảng 30%). Quá trình hình thành cộng đồng di cư tại ấp kéo dài suốt từ những năm 1980 đến nay nhưng phần lớn trong số 97 hộ gia đình trong mẫu khảo sát đến địa phương trong thập niên 1990. Quê quán của 97 hộ gia đình này khá đa dạng, trong đó miền Bắc (26,8%) chủ yếu bao gồm các tỉnh Thái Bình và Hải Phòng; miền Trung (40%) với hầu hết các hộ gia đình đến từ Nghệ An và miền Nam (34%) chủ yếu đến từ Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Tháp ở khu vực Tây Nam Bộ.

Đặc điểm đối tượng khảo sát (ego) trong nghiên cứu này có độ tuổi trung

binh cao (khoảng 52 tuổi), tỷ lệ nam (65%) gấp đôi so với nữ (32%) và phần lớn có trình độ học vấn thấp (26,8% từ tiểu học trở xuống; 58,8% trung học cơ sở và 14,5% từ trung học phổ thông trở lên).

Hầu hết các hộ gia đình trong mẫu khảo sát đã có khoảng thời gian dài sinh sống tại cộng đồng (trung bình 23,6 năm và độ lệch chuẩn là 7,6 năm) và có nhiều mối quan hệ quen biết với những người khác cả trong và ngoài cộng đồng. Nhưng trong hoạt động trồng trọt (bao gồm cây cao su và một số loại cây ăn trái như sầu riêng, ổi, nhãn, xoài...), quy mô mạng lưới (network size) hỗ trợ/giúp đỡ của họ trung bình chỉ khoảng 3,45 người và khá khác biệt giữa các cá nhân (độ lệch chuẩn 2,07 người). Tuy nhiên, quy mô mạng lưới giữa nam (3,66) và nữ (3,03); người miền Bắc (3,58), miền Trung (3,39) và miền Nam (3,42) nhìn chung là khá tương đồng.

Trong số 97 ego được khảo sát, có 3 trường hợp 'cô lập' (isolate), tức không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào từ người khác. Nghiên cứu không đưa 3 trường hợp này vào phân tích.

3.2. Đặc điểm chung về tính đồng dạng/dị biệt trong mạng lưới

Trong phần này, chúng tôi tập trung phân tích và so sánh mức độ đồng dạng/dị biệt về độ tuổi, giới tính và quê quán tính chung cho 335 alter là thành viên mạng lưới của 94 ego tương ứng (Biểu đồ 1). Cách đọc biểu đồ này (và các biểu đồ còn lại trong bài viết) như sau:

- Trục tung (y) thể hiện chỉ số IQV với các giá trị từ 0 đến 1 tương ứng với mức độ đồng dạng hoàn toàn đến dị biệt hoàn toàn.

- Trục hoành (x) thể hiện các thuộc tính quan tâm kèm với số lượng n được đưa vào phân tích. Trong trường hợp này chúng ta phân tích cho 3 thuộc tính là độ tuổi, giới tính và quê quán của toàn bộ 335 alter trong mẫu khảo sát.

- Mỗi thuộc tính có một biểu đồ vĩ cầm (violin plot) đi kèm với biểu đồ hộp (box plot) bên trong và các chấm nhỏ thể hiện các giá trị IQV tương ứng với từng alter cụ thể. Hình dạng biểu đồ vĩ cầm biểu thị cho phân phối mật độ IQV, trong đó: dải rộng cho thấy vùng dữ liệu tập trung nhiều điểm hơn, ngược lại dải hẹp chỉ những vùng có ít dữ liệu. Đường kẻ ngang đậm ở giữa biểu đồ hộp biểu thị giá trị trung vị (giá trị ở giữa của tập dữ liệu), khoảng cách giữa hai đường kẻ ngang nhạt hơn được gọi là khoảng trải giữa hay khoảng tứ phân vị (Interquartile Range - IQR), là khoảng cách giữa tứ phân vị thứ nhất (Q1) và tứ phân vị thứ ba (Q3) của tập dữ liệu đã được sắp xếp theo thứ tự. Nó cung cấp thông tin về phạm vi biến động của 50% các giá trị trung tâm. Các sợi râu (whiskers) ở bên dưới và bên trên của IQR đại diện cho các phần tư thấp nhất và cao nhất của dữ liệu. Các đầu của râu biểu thị mức tối đa và tối thiểu của dữ liệu.

- Điểm đỏ lớn thể hiện giá trị trung bình IQV được gắn nhãn cụ thể cho

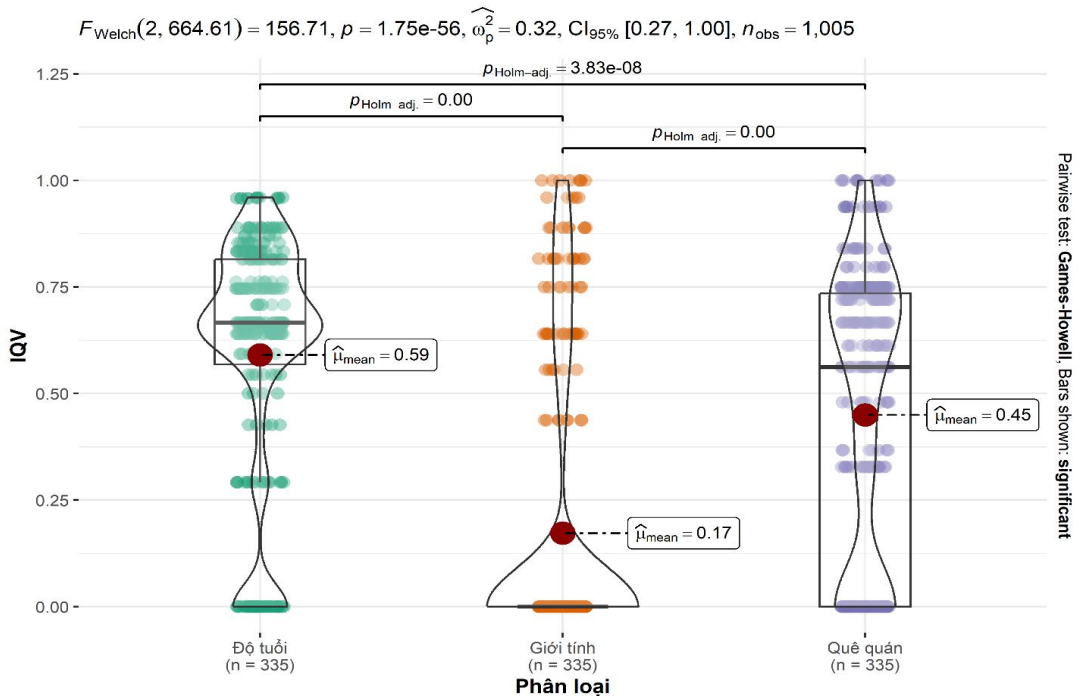
mỗi phân loại với độ tuổi là 0,59, giới tính là 0,17, và quê quán là 0,45.

- Ở phần trên cùng biểu đồ là kết quả các thông số chính của kiểm định Welch ANOVA để so sánh sự khác biệt giữa các nhóm, trong đó thông số thường được quan tâm nhất là *p-value*, trong trường hợp này $p = 1.75e-56^{(3)}$ cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm.

- Các đường kẻ ngang nối giữa các nhóm (Độ tuổi và Giới tính, Độ tuổi và

Quê quán, Giới tính và Quê quán) thể hiện các cặp so sánh trong kiểm định Games-Howell với điều chỉnh Holm. Giá trị *P* rất thấp chỉ ra rằng sự khác biệt giữa các cặp nhóm này có ý nghĩa thống kê. Trong các phân tích này, chúng tôi sử dụng cài đặt “significant” để chỉ hiển thị các so sánh đối với các cặp có ý nghĩa thống kê (những so sánh mà giá trị *p-value* nhỏ hơn ngưỡng đã chọn 0,05). Điều này được chú thích ở thanh dọc mép phải biểu đồ.

Biểu đồ 1. So sánh mức độ đồng dạng/dị biệt về độ tuổi, giới tính và quê quán tính chung cho toàn bộ mẫu khảo sát



Nguồn: Tác giả xử lý từ kết quả khảo sát năm 2023.

Biểu đồ 1 cho thấy tính chất đồng dạng/dị biệt trong mạng lưới hỗ trợ của các nông hộ trong mẫu khảo sát là rất khác biệt xét theo độ tuổi, giới tính và quê quán ($p = 1.75e-56$ và p theo từng cặp đều rất nhỏ). Cụ thể,

trung bình IQV độ tuổi = 0,59 và điểm trung vị IQV độ tuổi khoảng 0,65 (đường kẻ ngang đậm) tương ứng với hình dạng biểu đồ vĩ cầm phình ra ở phần giữa trên cho thấy, các liên kết được hình thành trong mạng lưới dựa

trên tính dị biệt hơn là tính đồng dạng về mặt tuổi tác. Trong khi đó, trung bình IQV quê quán = 0,45 với điểm trung vị IQV khoảng 0,55 và hình dạng biểu đồ vĩ cầm dài - hẹp cho thấy, các liên kết được hình thành trong mạng lưới dựa trên tính đồng dạng hơn là tính dị biệt về mặt quê quán. Mặc dù vậy, cả hai xu hướng trên chưa thật sự rõ ràng khi các giá trị trung bình IQV về độ tuổi và quê quán rất gần điểm giữa 0,5 trong thang đo đồng dạng/dị biệt từ 0 đến 1. Ngược lại, với điểm trung bình IQV giới tính rất nhỏ (0,17), đồng thời hình dạng biểu đồ rất hẹp ở phần trên và rộng ở phần đáy, thậm chí điểm trung vị gần như bằng 0 cho thấy tính đồng dạng về mặt giới tính trong mạng lưới là rất rõ ràng.

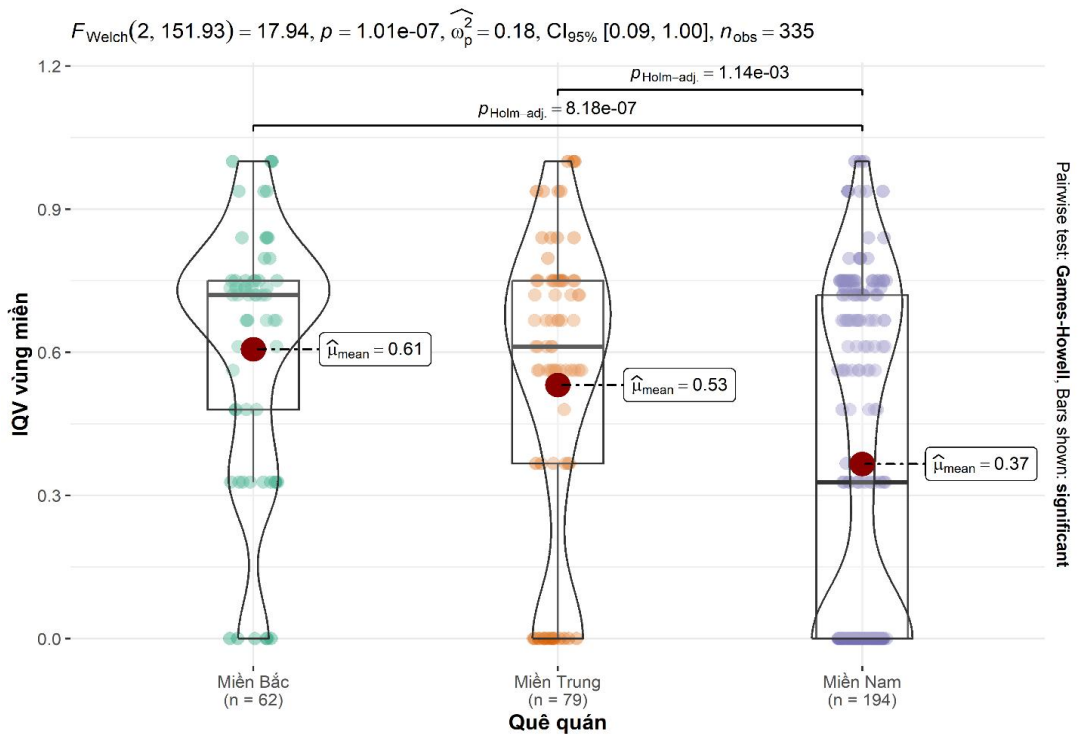
Các phát hiện trên cung cấp một số thông tin hữu ích giúp nhận dạng cơ chế hình thành mạng lưới dựa trên tính đồng dạng/dị biệt về độ tuổi, giới tính và quê quán của những tác nhân trong mạng lưới. Tuy nhiên, các kết quả này chưa cho chúng ta biết được tính đồng dạng/dị biệt đối với các phân loại cụ thể trong từng thuộc tính, vốn là điều mà các nhà nghiên cứu thường quan tâm. Chẳng hạn, tính đồng dạng/dị biệt giữa nam và nữ, giữa những người ở các độ tuổi khác nhau và giữa người miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Các phân tích bên dưới sẽ trả lời các câu hỏi này.

3.3. Tính đồng dạng/dị biệt về quê quán

Phần này phân tích cụ thể hơn về tính đồng dạng/dị biệt chia theo quê quán

giữa ego và các thành viên mạng lưới (alter). Như đã phân tích ở phần trên (Biểu đồ 1), so với giới tính, tính đồng dạng/dị biệt về quê quán giữa các tác nhân trong mạng lưới là không thật sự rõ ràng. Điều này được lý giải thông qua kết quả Biểu đồ 2 bên dưới, có thể thấy sự khác biệt rất rõ về tính đồng dạng/dị biệt trong mạng lưới của những người gốc miền Nam (IQV trung bình là 0,37) so với miền Trung (IQV trung bình 0,53) và miền Bắc (IQV trung bình 0,61) (chỉ số p tương ứng của từng cặp rất nhỏ, lần lượt là $1.14e-03$ và $8.18e-07$). Cụ thể hơn, trong khi mạng lưới hỗ trợ của người miền Nam chủ yếu đến từ những người cùng gốc miền Nam, thành phần mạng lưới của người miền Bắc và người miền Trung có thể bao gồm những người cùng vùng miền (miền Bắc - miền Bắc hoặc miền Trung - miền Trung) và/hoặc những người đến từ các vùng miền khác (miền Bắc - miền Trung, miền Bắc - miền Nam, miền Trung - miền Nam). Nói cách khác, xét dưới góc độ thành phần quê quán, mạng lưới của người miền Nam có tính chất đồng nhất/đồng dạng cao hơn nhiều so với những người đến từ các khu vực còn lại. Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy, có tới 89% trong tổng số 113 người trong mạng lưới của người gốc miền Nam cũng là người miền Nam. Trong khi tỷ lệ cùng quê quán của người miền Bắc và miền Trung chỉ chiếm tương ứng 51% và 54% (còn lại là những người đến từ các vùng miền khác).

Biểu đồ 2. So sánh mức độ đồng dạng/dị biệt chia theo quê quán



Nguồn: Tác giả xử lý từ kết quả khảo sát năm 2023.

Tại sao lại có những sự khác biệt này? Từ kết quả phỏng vấn sâu hộ gia đình và những gì ghi nhận trong quá trình khảo sát tại thực địa, chúng tôi nhận thấy có ít nhất hai lý do. Như đã trình bày, phần lớn các hộ gia đình trong mẫu khảo sát đến cộng đồng vào những năm 1990. Tuy nhiên, bắt đầu từ những năm 1980 đã có một số hộ gia đình gốc Tây Nam Bộ đầu tiên đến đây lập nghiệp, trong điều kiện dân cư thưa thớt lúc đó, phần lớn những di dân này đều quen biết nhau và mạng lưới này tiếp tục được mở rộng cho đến nay. Bên cạnh đó, so với người miền Trung và miền Bắc, người miền Nam trong nghiên cứu này (phần lớn đến từ Tây Nam Bộ) có nhiều kinh nghiệm và kỹ thuật canh tác hơn, đặc

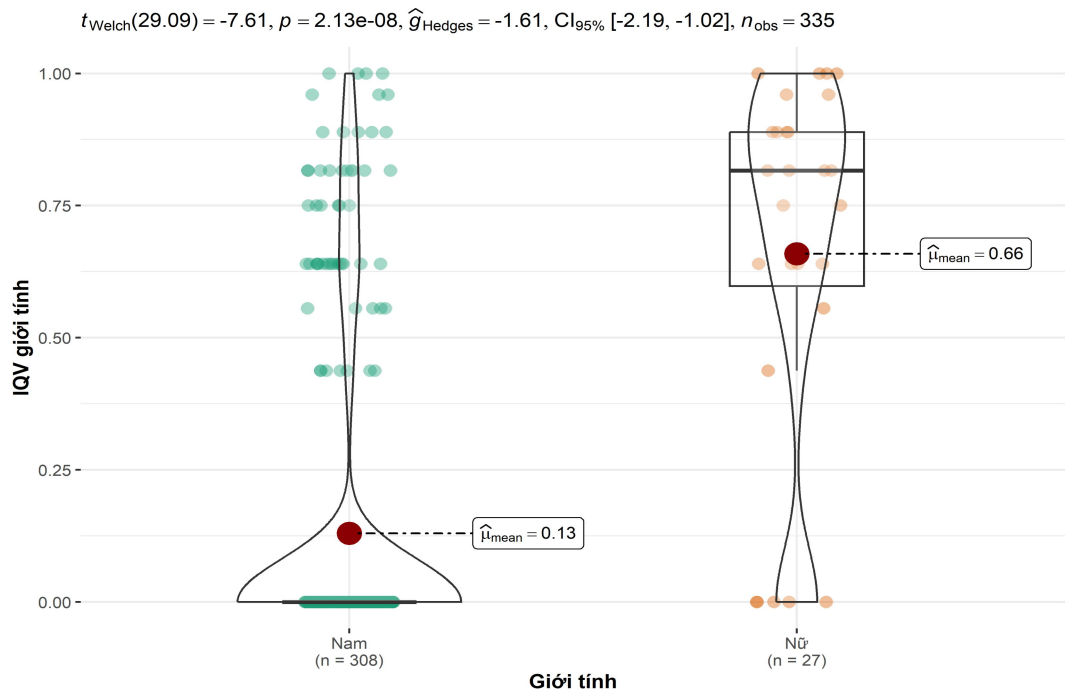
biệt đối với cây ăn trái. Do vậy, xét về mặt kỹ thuật canh tác, sự ‘giúp đỡ/hỗ trợ’ thường sẽ theo hướng từ người miền Nam đến miền Trung và miền Bắc, rất hiếm trường hợp theo hướng ngược lại. Trao đổi sau đây phản ánh rất rõ điều này: “Trồng cao su thì dễ hơn và có thể hỏi nhiều người lắm vì đây là vùng cao su mà, nhưng trồng cây ăn trái thì phải có kinh nghiệm mới được. Người miền ngoài [ý nói người miền Trung và miền Bắc] đâu có biết trồng cây ăn trái, có người còn không biết làm ruộng nữa, toàn phải đi hỏi tui tui [ý nói người miền Tây] chứ tui tui đâu cần hỏi họ” (Nam, 54 tuổi, quê Cái Bè - Tiền Giang, một trong những người “nổi tiếng” nhất trong cộng đồng về kinh nghiệm trồng trọt).

3.4. Tính đồng dạng/dị biệt về giới tính

Biểu đồ 3 cho thấy sự khác biệt rất rõ giữa nam và nữ ($p = 2.13e-08$), trong

khi mạng lưới của nam nông dân thể hiện tính đồng dạng cao (trung bình IQV = 0,13) thì mạng lưới của nữ nông dân thiên về tính dị biệt hơn (trung bình IQV = 0,66).

Biểu đồ 3. So sánh mức độ đồng dạng/dị biệt chia theo giới tính



Nguồn: Tác giả xử lý từ kết quả khảo sát năm 2023.

Trong hoạt động nông nghiệp, nam giới thường là người phụ trách chính các công việc canh tác của gia đình. Nghiên cứu của Trần Hữu Quang (2018: 145) về cách thức phân công lao động trong nông hộ ở châu thổ sông Cửu Long cho thấy, mặc dù lao động nữ trong gia đình cũng có tham gia vào việc gieo cấy, chăm sóc cây trồng,... nhưng hầu hết các khâu công việc sản xuất nông nghiệp trên ruộng đất canh tác của nông hộ vẫn chủ yếu do nam giới đảm nhiệm (từ 55% tới 90%). Tương tự, người canh tác trực tiếp và có vai trò quan trọng

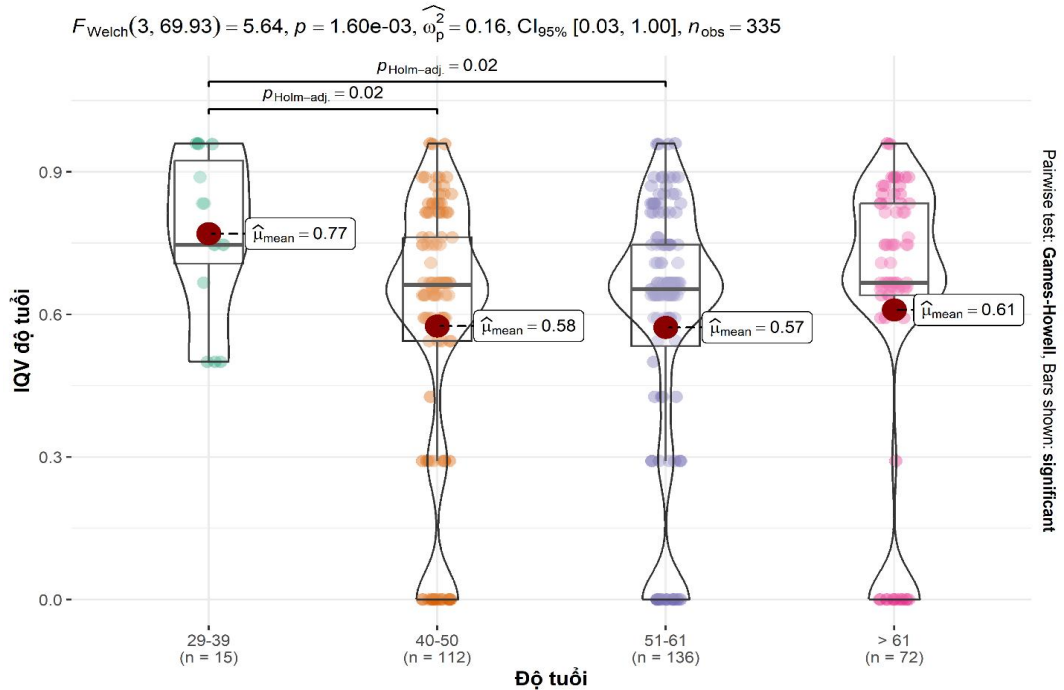
nhất trong các hoạt động trồng trọt của hộ trong nghiên cứu này cũng thường là nam giới. Đồng thời, những người có nhiều kinh nghiệm canh tác nhất trong cộng đồng cũng đều là nam giới. Đây là những người thường được cả nam và nữ nông dân tìm đến học hỏi kinh nghiệm và kỹ thuật canh tác. Kết quả khảo sát cho thấy, có tới 95% số thành viên trong mạng lưới của các nông dân nam cũng là nam giới, trong khi đó tỷ lệ cùng giới tính trong mạng lưới của các nông dân nữ chỉ chiếm 14% (86% còn lại là nam giới).

3.5. Tính đồng dạng/dị biệt về độ tuổi

So với các đặc điểm về quê quán và giới tính, tính dị biệt về độ tuổi trong mạng lưới được thể hiện rõ ràng hơn khi điểm số trung bình IQV ở cả 4 nhóm tuổi được đưa vào phân tích đều lớn hơn 0,5 (Biểu đồ 4). Trong đó,

ngoại trừ nhóm tuổi cao nhất (> 61 tuổi), có một xu hướng chung nhưng không thật sự rõ ràng là độ tuổi càng nhỏ thì tính dị biệt trong mạng lưới càng lớn hơn (xem điểm trung bình IQV cho 3 nhóm còn lại và kết quả kiểm định giữa các nhóm có ý nghĩa thống kê).

Biểu đồ 4. So sánh mức độ đồng dạng/dị biệt chia theo độ tuổi



Nguồn: Tác giả xử lý từ kết quả khảo sát năm 2023.

Không giống như mạng lưới tình bạn thân thiết hoặc mạng lưới tội phạm, nơi sự đồng dạng về độ tuổi là một đặc điểm phổ biến (McPherson et al., 2001; Roman et al., 2012), sự đa dạng/dị biệt về độ tuổi trong mạng lưới của các nông hộ trong nghiên cứu này là phù hợp với thực tế tại cộng đồng khảo sát khi hầu hết các hộ gia đình là di dân, ít/không có kinh nghiệm canh tác cây cao su và các loại cây ăn trái. Do vậy, việc học hỏi

kinh nghiệm và tìm kiếm sự hỗ trợ/giúp đỡ từ những người khác, bất kể độ tuổi nào, là một thực tế phổ biến đối với hầu hết nông dân tại cộng đồng.

4. THẢO LUẬN VÀ KẾT LUẬN

Đồng dạng và dị biệt là các khái niệm trung tâm giúp giải thích cách hình thành các mối quan hệ xã hội và các loại hỗ trợ trong mạng lưới. Kết quả nghiên cứu mạng lưới hỗ trợ của các nông hộ tại một cộng đồng di dân

nông thôn Đông Nam Bộ cho thấy có nhiều sự khác biệt giữa các yếu tố đưa vào phân tích với mức độ đồng dạng về mặt giới tính được thể hiện rất rõ nhưng tính dị biệt mới là xu hướng chính trong các mạng lưới dựa trên độ tuổi và quê quán.

Mặc dù vậy, tính chất này là không đồng nhất giữa mạng lưới nam giới và nữ giới, giữa các nhóm tuổi và giữa các vùng miền khác nhau. Trong khi mạng lưới của nam giới thể hiện tính đồng dạng cao thì ngược lại, mạng lưới của nữ giới thiên về tính dị biệt nhiều hơn. Tính đồng dạng chỉ thể hiện rõ trong mạng lưới người gốc miền Nam, ngược lại mạng lưới người gốc miền Trung và miền Bắc lại đa dạng hơn nhiều. Trong khi đó, nhìn chung bằng chứng từ các kết quả nghiên cứu ủng hộ cho hiệu ứng dị biệt hơn là đồng dạng về độ tuổi trong mạng lưới hỗ trợ tại cộng đồng.

Mạng lưới xã hội thường được xem như là một thành tố của vốn xã hội, tức là các kết nối một người có với người khác có thể mang lại những lợi ích nhất định (Borgatti & Halgin, 2011). Trong hoạt động nông nghiệp, mạng lưới xã hội có những ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin kỹ thuật cũng như các hoạt động mở rộng và phát triển (Hoang et al., 2006). Các tác động của mạng lưới, bao gồm tính 'đồng dạng' hay 'dị biệt', có thể là tiêu cực hoặc tích cực tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể và loại mối quan hệ mà mạng lưới đó hình thành. Chẳng hạn, tính đồng dạng trong mạng lưới

hạn chế khả năng tiếp cận thông tin hoặc sự hòa nhập của các nhóm thiểu số (Karimi et al., 2018), dẫn đến sự phân cực và hạn chế khả năng tiếp cận với các nguồn lực khác biệt, đặc biệt khi các thành viên trong mạng lưới có xu hướng gắn bó chặt chẽ với những người có nhiều điểm tương đồng về mặt xã hội hoặc văn hóa (McPherson et al., 2001). Tuy nhiên, đồng dạng cũng có thể mang lại những lợi ích nhất định như thúc đẩy sự lan truyền thông tin trong các nhóm có cùng hệ tư tưởng, giúp tăng cường tương tác và chia sẻ thông tin chính trị (Halberstam & Knight, 2016) hay củng cố sự tin tưởng và gắn kết trong các mạng lưới được hình thành dựa trên các mối quan hệ mật thiết (Lin, 2001).

Mặt khác, sự liên kết yếu (weak ties) giữa các cá nhân khác biệt có thể tạo ra kênh kết nối quan trọng cho việc truyền tải thông tin mới và đa dạng nhờ vào khả năng tiếp cận mạng lưới bên ngoài (Granovetter, 1973). Tuy nhiên, dị biệt cũng có thể gây ra sự thiếu gắn kết và khó khăn trong việc duy trì các mối quan hệ do các khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ hoặc phương thức làm việc, dẫn đến xung đột và giảm khả năng hợp tác (Podolny & Baron, 1997).

Tính đồng dạng/dị biệt chỉ là một trong những chiều kích phản ánh cơ chế hình thành mạng lưới. Tác động của mạng lưới xã hội trong hoạt động nông nghiệp cần được xem xét một cách toàn diện dựa trên việc kết hợp

với nhiều chỉ số và phương pháp đo lường khác liên quan đến thành phần và cấu trúc mạng lưới như mật độ mạng (density), tính trung tâm (centrality), tính tương hỗ/có đi có lại (reciprocity)..., vốn là thế mạnh của phương pháp SNA chưa đề cập tới trong bài viết này.

Mặc dù vậy, các phát hiện từ bài viết về tính đồng dạng/dị biệt trong mạng lưới cũng góp phần để hiểu thêm về

cách các cộng đồng di dân nông thôn tổ chức và duy trì các mạng lưới hỗ trợ nông nghiệp như thế nào. Cụ thể, tính dị biệt trong mạng lưới của những người trẻ tuổi, nữ giới, những di dân đến từ khu vực miền Bắc và miền Trung cho thấy những hạn chế về kinh nghiệm canh tác những loại cây trồng phổ biến ở khu vực nông thôn Đông Nam Bộ như cây cao su và các loại cây ăn trái. □

CHÚ THÍCH

- (1) Để bảo đảm tính ẩn danh, chúng tôi sử dụng ký hiệu mã hóa là áp X thay cho tên thật.
- (2) Có hai loại khảo sát mạng lưới chính có liên quan với nhau nhưng các đối tượng đo lường khác nhau là mạng 'toàn bộ' (whole network) và mạng lưới cá nhân/lấy cá nhân làm trung tâm (ego network). Tương ứng với hai loại mạng lưới trên, phương pháp chọn mẫu và nội dung khảo sát cũng khác nhau. Xem thêm Marsden (2011: 370-371).
- (3) Chữ "e" trong dãy số trên (viết tắt của "exponent"), đại diện cho cơ số 10. Nó được sử dụng để biểu thị phần mũ của 10 trong biểu diễn số học. Trong trường hợp này, $1.75e - 56 = 1.75 \times 10^{-56}$ là một con số rất nhỏ (có 55 chữ số 0 sau dấu thập phân trước khi đến số 1.75).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Agresti, A., & Agresti, B.F. 1978. "Statistical Analysis of Qualitative Variation". *Sociological Methodology*, 9, 204-237. <https://doi.org/10.2307/270810>.
2. Borgatti, S.P., & Halgin, D.S. 2011. "On Network Theory". *Organization Science*, 22(5), 1168-1181. <https://doi.org/10.1287/orsc.1100.0641>.
3. Borgatti, S.P., Everett, M.G., & Johnson, J.C. 2018. *Analyzing Social Networks* (2nd Edition). SAGE.
4. Đỗ Hương Giang. 2022. *Điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của các hộ gia đình Tây Nam Bộ tại nông thôn các tỉnh Đông Nam Bộ hiện nay*. Đề tài. Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
5. Freeman, L.C. 2004. *The Development of Social Network Analysis: A Study in the Sociology of Science*. Empirical Press; BookSurge.
6. Granovetter, M.S. 1973. "The Strength of Weak Ties". *American Journal of Sociology*, 78(6), 1360-1380.
7. Granovetter, M.S. 1983. "The Strength of Weak Ties: A Network Theory Revisited". *Sociological Theory*, 1, 201. <https://doi.org/10.2307/202051>.

8. Halberstam, Y., & Knight, B. 2016. "Homophily, Group Size, and the Diffusion of Political Information in Social Networks: Evidence from Twitter". *Journal of Public Economics*, 143, 73-88. <https://doi.org/10.1016/j.jpubeco.2016.08.011>.
9. Hoang, L.A., Castella, J.-C., & Novosad, P. 2006. "Social Networks and Information Access: Implications for Agricultural Extension in a Rice Farming Community in Northern Vietnam". *Agriculture and Human Values*, 23(4), 513-527. <https://doi.org/10.1007/s10460-006-9013-5>.
10. Karimi, F., Génois, M., Wagner, C., Singer, P., & Strohmaier, M. 2018. "Homophily Influences Ranking of Minorities in Social Networks". *Scientific Reports*, 8(1), 1-12. <https://doi.org/10.1038/s41598-018-29405-7>.
11. Lin, N. 2001. *Social Capital: A Theory of Social Structure and Action*. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/CBO9780511815447>.
12. Lozares, C., Verd, J.M., Cruz, I., & Barranco, O. 2014. "Homophily and Heterophily in Personal Networks. From Mutual Acquaintance to Relationship Intensity". *Quality & Quantity*, 48(5), 2657-2670. <https://doi.org/10.1007/s11135-013-9915-4>.
13. Marsden, P.V. 2011. "Survey Methods for Network Data". J. Scott & P.J. Carrington (chủ biên), *The SAGE Handbook of Social Network Analysis* (tr. 370-388). SAGE.
14. McCarty, C., Lubbers, M.J., Vacca, R., & Molina, J.L. 2019. *Conducting Personal Network Research: A Practical Guide*. The Guilford Press.
15. McPherson, M., Smith-Lovin, L., & Cook, J.M. 2001. "Birds of a Feather: Homophily in Social Networks". *Annual Review of Sociology*, 27(1), 415-444. <https://doi.org/10.1146/annurev.soc.27.1.415>.
16. Nguyễn Ngọc Toại. 2022. "Phân tích mạng lưới xã hội - Tổng quan nghiên cứu và ứng dụng ở Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Khoa học xã hội TP.HCM*, 11(291), 33-45.
17. Patil, I. 2021. "Visualizations with Statistical Details: The "ggstatsplot" Approach". *Journal of Open Source Software*, 6(61), 3167. <https://doi.org/10.21105/joss.03167>.
18. Podolny, J.M., & Baron, J.N. 1997. "Resources and Relationships: Social Networks and Mobility in the Workplace". *American Sociological Review*, 62(5), 673-693. <https://doi.org/10.2307/2657354>.
19. R Core Team. 2023. "*R A Language and Environment for Statistical Computing* [Software]. R Foundation for Statistical Computing. <https://www.R-project.org/>.
20. Rogers, E.M. 2003. *Diffusion of Innovations* (5th Edition). <https://www.simonandschuster.com/books/Diffusion-of-Innovations-5th-Edition/Everett-M-Rogers/9780743222099>.
21. Roman, C.G., Cahill, M., Lachman, P., Lowry, S., Orosco, C., & McCarty, C. 2012. *Social Networks, Delinquency, and Gang Membership: Using a Neighborhood Framework to Examine the Influence of Network Composition and Structure in a Latino Community*. Urban Institute.
22. Scott, J. 2017. *Social Network Analysis* (4th edition). SAGE Publications.
23. Trần Hữu Quang. 2018. *Ứng xử kinh tế của nông hộ (khảo sát Xã hội học tại châu thổ sông Cửu Long)*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.